

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2018/HS-ST

Ngày: 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Hương

Bà Hoàng Thị Quýt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2018/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/HSST-QĐXX ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Văn D** (tên gọi khác: B), sinh năm: 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: Mai Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1960); Bị cáo có vợ: Phạm Thị Hồng T (sinh năm: 1991); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 31/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

+ Lê Hoàng T, sinh năm: 1972; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện B, tỉnh B

+ Lê Thị T, sinh năm: 1993; (có mặt)

HKTT: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh B

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thành V, sinh năm: 1985 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh B

+ Bà Lê Thị Chiêu Q, sinh năm: 1984; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện B, tỉnh B

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dương Tất P – trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh B (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 31/8/2018, Mai Văn D phát hiện trong vườn điều của anh Lê Hoàng T có 01 xe mô tô hiệu Dream không có người trông coi, D đến gần dùng dao đã chuẩn bị trước đó cắt dây điện ổ khóa xe rồi nổ máy xe bỏ chạy, được 100m thì bị anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị Chiêu Q phát hiện và truy đuổi nên D bỏ xe lại hiện trường bỏ chạy.

Tại kết luận định giá tài sản số: 41/2018/BKL-ĐGTS ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định giá trị xe mô tô Dream biển kiểm soát: 93T4-4751 tại thời điểm phạm tội (ngày 31/8/2018) là 5.610.000 đồng.

Trong quá trình điều tra còn xác định Mai Văn D đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản sau: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 13/8/2018, D đi bộ quanh xã P mục đích tìm xe mô tô bán kiếm tiền tiêu xài. Đến khu vực ấp T, xã P thì phát hiện 01 xe mô tô của anh Lê Thành V có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên duy đến nổ máy xe điều khiển về nhà, sau đó gỡ biển kiểm soát và mài số máy mục đích không để ai phát hiện. Đến 19 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô trên lưu thông thì bị công an xã P kiểm tra, do không có giấy tờ nên bị tạm giữ xe và xác định xe do chị Nguyễn Thị T sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/2018/BKL - ĐGTS ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định 01 xe mô tô hiệu Dream, số khung: C100ME-0448579, số máy: đã bị đục, không biển số tại thời điểm phạm tội (ngày 13/8/2018) là 4.765.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 56/CTr-VKS ngày 09/11/2018, VKSND huyện B truy tố bị cáo Mai Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng VKSND huyện B truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt xử phạt bị cáo 5 tháng tù.

Người bị hại: Anh Lê Hoàng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không yêu cầu bồi thường, chị Lê Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin nhận lại tài sản bị mất.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và không ai có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù, trả lại tài sản cho bị hại.

Vật chứng xử lý như cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Văn D phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã thực hiện các lần phạm tội như sau:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 31/8/2018, Mai Văn D phát hiện trong vườn điều của anh Lê Hoàng T có 01 xe mô-tô hiệu Dream không có người trông coi, D đến gần dùng dao đã chuẩn bị trước đó cắt dây điện ổ khóa xe rồi nổ máy xe bỏ chạy, được 100m thì bị anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị Chiêu Q phát hiện và truy đuổi nên D bỏ xe lại hiện trường bỏ chạy.

Lần 2: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 13/8/2018, D phát hiện 01 xe mô-tô của anh Lê Thành V có cấm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên D đến nổ máy xe điều khiển về nhà, sau đó gỡ biển số và mài số máy mục đích không để ai phát hiện.

Tại các bản kết luận định giá tài sản của mỗi lần bị cáo thực hiện hành vi trên đều xác định giá trị chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000

đồng. Do đó bị cáo Mai Văn D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Chỉ trong vòng 20 ngày, bị cáo đã liên tục thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, cho thấy rõ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người đã thành niên, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 13 và 31/8/2018, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

[5] Trách nhiệm dân sự:

Không có ai yêu cầu bồi thường nên không xem xét

[6] Vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Dream cần trả lại cho chị Lê Thị T là người quản lý hợp pháp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc do chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên cần giảm nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[8] Xét lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý là phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo không thể giảm nhẹ như đề nghị của người bào chữa.

[9] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn D (tên gọi khác: B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, 101 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Mai Văn D 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2018.

2. Vật chứng

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Lê Thị T 01 xe mô tô hiệu Dream số khung: C100ME-0448579, số máy: đã bị đục, không biển kiểm soát theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục THADS huyện B.

4. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bị cáo, chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Lâm